

Unit 1 : Home



PART 1. PRONOUNCIATION

Nguyên âm ngắn /ɪ/ (Short vowel /ɪ/) và nguyên âm dài /i:/

/ɪ/	/i:/
village /'vɪlɪdʒ/	meal /mi:l/

1. Âm /ɪ/

1.1. “a” được phát âm là /ɪ/ với những danh từ có hai âm tiết và có tận cùng bằng “age”

Examples	Transcription	Meaning
village	/'vɪlɪdʒ/	làng, xã
cottage	/'kɒtɪdʒ/	nhà tranh, lều tranh

1.2. “e” được phát âm là /ɪ/ trong tiếp đầu ngữ “be”, “de” và “re”

Examples	Transcription	Meaning
begin	/bɪ'ɡɪn/	bắt đầu
become	/bɪ'kʌm/	trở nên

1.3. “i” được phát âm là /ɪ/ trong từ có một âm tiết và tận cùng bằng một hoặc hai phụ âm i + phụ âm.

Examples	Transcription	Meaning
win	/wɪn/	chiến thắng
miss	/mɪs/	nhớ

1.4. “ui” được phát âm là /ɪ/

Examples	Transcription	Meaning
build	/bɪld/	xây cất
guilt	/ɡɪlt/	tội lỗi

2. Âm /i:/

2.1. Âm “e” được phát âm là /i:/ khi đứng liền trước hình thức tận cùng bằng phụ âm + e và trong những chữ be, he, she, me ...

Examples	Transcription	Meaning
scene	/si:n/	phong cảnh
complete	/kəm'pli:t/	hoàn toàn

2.2. Âm “ea” được phát âm là /i:/ với những từ có tận cùng là “ea” hoặc “ea” + một phụ âm.

Examples	Transcription	Meaning
tea	/ti:/	trà
meal	/mi:l/	bữa ăn

2.3. “ee” thường được phát âm là /i:/

Examples	Transcription	Meaning
three	/θri:/	số 3
see	/si:/	nhìn, trông, thấy

2.4. “ei” được phát âm là /i:/ trong một số trường hợp:

Examples	Transcription	Meaning
receive	/rɪ'si:v/	nhận được
ceiling	/'si:lɪŋ/	trần nhà

2.5. “ie” được phát âm là /i:/ khi nó là những nguyên âm ở giữa một chữ.

Examples	Transcription	Meaning
----------	---------------	---------

grief
chief

/gri:f/
/ti:f/

nỗi lo buồn
người đứng đầu

Task 1. Put the words into the correct columns.

him
cottage
scene
win
cheap
receive

ship
shortage
miss
complete
chick
dream

ceiling
benzene
become
three
deceive
build

begin
tea
free
relieve
behave
guitar

meal
cheese
village
chief
remind
equivalent

/ɪ/

/i:/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

1. A. renew

B. pea

C. three

D. key

2. A. wig

B. grin

C. heat

D. fish

3. A. fleece

B. return

C. machine

D. scene

4. A. neat

B. village

C. cottage

D. shortage

5. A. compete

B. cede

C. remind

D. secede

6. A. baggage

B. breathe

C. courage

D. damage

7. A. reorganize

B. benzene

C. kerosene

D. Vietnamese

8. A. luggage

B. message

C. creature

D. voyage

9. A. easy

B. tea

C. meal

D. represent

10. A. passage

B. easy

C. begin

D. become